

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-ST

Ngày: 03-8-2020.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Trí

2. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 7 và ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-DS ngày 16/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S.

Địa chỉ: HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Bà D, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Văn H, chức vụ, Giám đốc Chi nhánh tỉnh Đ, theo văn bản ủy quyền số 1185/QĐ-HĐTV-PC ngày 07/5/2020.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Văn H là ông Trần Việt D1, chức vụ: Trưởng phòng Giao dịch B, theo văn bản ủy quyền số 283/UQ-CNĐT ngày 02/7/2020.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị M, sinh năm: 1975;

Nơi cư trú: Số 315, ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Việt D1 có mặt, bị đơn bà Bùi Thị M vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2019 của Ngân hàng S, bản khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử:

** Nguyên đơn Ngân hàng S, người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng là ông Trần Việt D1 trình bày:*

Ngân hàng S – chi nhánh Đồng Tháp – PGD Thanh Bình có cho bà Bùi Thị M vay tiền, theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD 1827100673, ngày 28/9/2018, số tiền là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), thời hạn vay vốn là 24 tháng, phương thức vay từng lần, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 30%/năm, trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 28 dương lịch, vốn, lãi trả định kỳ hàng tháng, lãi tính theo dư nợ ban đầu, vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ và được trả theo phụ lục về lịch trả nợ đính kèm Giấy đề nghị vay vốn, hình thức nhận tiền vay chuyển vào tài khoản của bà M, nguồn hoàn trả nợ từ mua bán điểm tâm sáng. Biện pháp đảm bảo là bà M đồng ý không hủy ngang vô điều kiện cho S được toàn quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu của bà M để thu hồi nợ trong trường hợp bà M vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo hợp đồng này.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà M không thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ ký ngày 28/9/2018 giữa Ngân hàng với bà M. Từ ngày 29/6/2019 đến nay bà M không trả gốc, lãi theo thỏa thuận hợp đồng đã ký, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu bà M trả nợ và tạo điều kiện để bà M trả nợ, nhưng đến nay bà M vẫn chưa trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng S yêu cầu buộc bà Bùi Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền là 34.157.500 (*Ba mươi bốn triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*), trong đó nợ gốc là 18.450.000đ, lãi trong hạn là 11.070.000đ, lãi quá hạn 4.637.500đ (tính đến ngày 03/8/2020) và tiếp tục trả lãi cho đến khi bà M trả xong nợ cho Ngân hàng.

** Bị đơn bà Bùi Thị M trình bày:* Căn cứ Tờ tường trình ngày 17/5/2020 của bà M, bà M thống nhất trả số tiền nợ gốc cho ngân hàng là 18.000.000đ, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S trình bày: Thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà M trả lại số tiền vay gốc là 18.450.000đ (*Mười tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), tiền lãi tạm tính đến ngày 03/8/2020, trong đó lãi quá hạn là 2.859.000đ, lãi trong hạn là 11.070.000đ, tổng cộng là 32.379.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên đối với bị đơn dù đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến tham dự các phiên hòa giải là không thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015, cần phê phán rút kinh nghiệm.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2, 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà Bùi Thị M về việc buộc bà Bùi Thị M có trách nhiệm trả lại Ngân hàng số tiền vay còn nợ là 32.379.000đ, trong đó số tiền vay gốc là 18.450.000đ và tiền lãi, lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử là 03/8/2020 là 13.929.000đ và tiếp tục tính lãi theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1827100673 ký ngày 28/9/2018 cho đến khi bà M trả xong nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Bùi Thị M hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ở ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay bà M vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy bà M đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng bà M vẫn vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ bị đơn ghi trong hợp đồng tín dụng. Tòa án huyện đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà M, nhưng bà M không đến Tòa án tham dự các phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1827100673 ký ngày 28/9/2018, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bà M trả lại số tiền vay còn nợ, vì cho rằng bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng tín dụng đã được ký kết vào năm 2018, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các tổ

chức tín dụng năm 2017 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bà M trả lại số tiền vay còn nợ gốc là 18.450.000đ và lãi suất theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1827100673 ký ngày 28/9/2018 là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1827100673 ký ngày 28/9/2018, việc bà M có vay tiền của ngân hàng là có thật đã xảy. Tuy nhiên, sau khi Ngân hàng giải ngân vốn, bà M không thực hiện đúng theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, từ ngày 29/6/2019 đến nay bà M không trả gốc, lãi theo thỏa thuận hợp đồng đã ký, nên đã vi phạm hợp đồng nêu trên. Mặt khác, căn cứ Tờ tường trình ngày 17/5/2020 của bà Bùi Thị M, bà M thừa nhận còn nợ ngân hàng số tiền vay gốc là 18.000.000đ và thống nhất trả nợ gốc, không thống nhất trả lãi, đã chứng minh được bà M vẫn còn nợ tiền của Ngân hàng.

Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà M trả lại số tiền nợ là 32.379.000đ (trong đó số tiền nợ gốc là 18.450.000đ, lãi trong hạn là 11.070.000đ, lãi quá hạn là 2.859.000đ, lãi tạm tính đến ngày 03/8/2020), xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S buộc bà M có trách nhiệm cá nhân trả lại cho Ngân hàng số tiền còn nợ là 32.379.000đ (trong đó số tiền nợ gốc là 18.450.000đ, lãi trong hạn là 11.070.000đ, lãi quá hạn là 2.859.000đ, lãi tạm tính đến ngày 03/8/2020) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

[2.2.] Ngoài Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1827100673 ký ngày 28/9/2018 giữa Ngân hàng S và bà Bùi Thị M, bà M không có thế chấp tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với Hợp đồng nêu trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản thế chấp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Bị đơn bà Bùi Thị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.
- Nguyên đơn Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Khoản 1, Điều 244, điểm b, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà Bùi Thị M.

Buộc bà Bùi Thị M có trách nhiệm cá nhân trả cho Ngân hàng S số tiền vay còn nợ gốc là 18.450.000đ (*Mười tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), lãi trong hạn là 11.070.000đ (*Mười một triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng*), lãi quá hạn là 2.859.000đ (*Hai triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng*), tổng cộng là 32.379.000đ (*Ba mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng*), tính lãi đến ngày 03/8/2020, đối với Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1827100673, ngày 28/9/2018.

Kể từ ngày 04/8/2020 bà Bùi Thị M còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà Ngân hàng S và bà M thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng S và bà M có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Bùi Thị M phải chịu 1.618.000đ (*Một triệu, sáu trăm mười tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 776.000đ (*Bảy trăm, bảy mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai số BI/2019-0001755 ngày 28/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/8/2019). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Công thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Bích Thơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

